TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI CƠ CẤU TUỔI DÂN SỐ ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM VÀ ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

TÓM TẮT NGHIÊN CỨU

Bản tóm tắt nghiên cứu này trình bày những thông tin và phát hiện chính cập nhật về tác động của biến đổi cơ cấu tuổi dân số đến kinh tế Việt Nam và một số đề xuất chính sách nhằm kéo dài thời kỳ có dư lợi dân số nhằm đóng góp cho tăng trưởng kinh tế quốc gia. Các thông tin và phát hiện được rút ra từ việc cập nhật nghiên cứu trước đây (năm 2015) của Viện Chiến lược phát triển (Viện CLPT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp Tài khoản chuyển nhượng quốc gia (NTA)[1] và số liệu năm 2014.

NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH

- Theo kết quả dự báo dân số của Tổng cục Thống kê[2], thời kỳ "cơ cấu dân số vàng" của Việt Nam sẽ kết thúc vào năm 2040. Cơ cấu dân số vàng là cơ hội để mang lại dư lợi dân số[3]. Tuy nhiên, nếu xu hướng thu nhập và chi tiêu theo độ tuổi của dân số trong 35 năm tới không thay đổi so với năm 2014, thì thời điểm kết thúc dư lợi dân số của nước ta sẽ là năm 2017.
- Xét theo giới, dư lợi dân số của nam dài hơn so với của nữ (khoảng 3 năm). Tuy nhiên, xét theo khu vực thành thị và nông thôn, dư lợi dân số của cả hai khu vực có thể kết thúc vào cùng một thời điểm.

Việt Nam đang trải qua quá trình biến đổi cơ cấu tuổi dân số với tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) tăng nhanh, tỷ lệ dân số trẻ em (0-14 tuổi) giảm và tỷ lệ dân số cao tuổi (dân số từ 65 tuổi trở lên) ngày càng tăng nhanh. Quá trình biến đổi cơ cấu tuổi dân số theo giới tính (nam và nữ) và khu vực (thành thị và nông thôn) cũng diễn ra theo hướng tăng tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động. Giai đoạn 1999-2014, tỷ lệ dân số nam trong độ tuổi lao động tăng từ 58,6% lên 66,6%, tỷ lệ dân số nữ tăng từ 59% lên 66,2%[4]; dân số trong độ tuổi lao động ở thành thị tăng từ 65,6% lên 69,1% trong khi ở nông thôn tăng từ 57,3% lên 66,1%.

Theo dự báo dân số mới nhất của Tổng cục Thống kê, xu hướng biến động này sẽ vẫn tiếp tục diễn ra

[1] Phương pháp "Tài khoản chuyển nhượng quốc gia" (gọi tắt là phương pháp NTA theo tiếng Anh) cho phép phân tích được vai trò của dân số theo từng tuổi hoặc nhóm tuổi (hay theo thế hệ) đối với nền kinh tế thông qua phân tích chi tiêu và thu nhập từ lao động tại mỗi tuổi.

[2] Sử dụng số liệu dự báo dân số đến năm 2049 của Tổng cục Thống kê dựa trên Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ vào thời điểm 01/4/2014.

[3] Theo cách tiếp cận NTA, một nền kinh tế được coi là có dư lợi dân số khi tốc độ tăng tỷ số hỗ trợ kinh tế lớn hơn 0. Tỷ số hỗ trợ kinh tế là tỷ số giữa tổng thu nhập của toàn bộ nền kinh tế tính theo tuổi/nhóm tuổi và tổng chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế tính theo tuổi/nhóm tuổi. (Có thể tham khảo định nghĩa về tỷ số hỗ trợ tại cuốn Sổ tay hướng dẫn sử dụng Tài khoản chuyển nhượng quốc gia: Đo lường và phân tích nền kinh tế theo thế hệ, 2013, Liên hợp quốc, tr. 10 (tên tiếng Anh: National Transfer Account Manual:Measuring and Analysing the Generational Economy, 2013, United Nations, p.10)).

[4] Độ tuổi lao động của nam từ 15-60, độ tuổi lao động của nữ từ 15-55.

một cách mạnh mẽ trong thời gian tới và thời kỳ "cơ cấu dân số vàng" của Việt Nam dự báo sẽ kéo dài đến năm 2040. Đây sẽ là cơ hội để Việt Nam có thể khai thác, tận dụng cho phát triển kinh tế, nhưng cũng sẽ đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi có những chính sách, giải pháp phù hợp, kịp thời (như tạo việc làm; nâng cao thu nhập; giảm bất bình đẳng về giới, nâng cao mức sống của dân cư nông thôn để giảm bớt khoảng cách giữa thành thị và nông thôn; bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội; giải quyết vấn đề môi trường…).

Tiếp theo nghiên cứu "Tác động của biến đổi cơ cấu tuổi dân số đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam và các đề xuất chính sách" sử dụng phương pháp Tài khoản chuyển nhượng quốc gia (NTA) hoàn thành trong năm 2015, Viện CLPT, với sự hỗ trợ của Quỹ Dân số của Liên hợp quốc (UNFPA), tiếp tục phối hợp với các chuyên gia trong lĩnh vực NTA phân tích số liệu Điều tra mức sống hộ gia đình năm 2014 (VHLSS 2014) và các nguồn số liệu khác. Mục đích là: (1) Đánh giá và lượng hóa sự khác biệt theo giới và theo khu vực (thành thị và nông thôn) về thu nhập và chi tiêu; (2) So sánh và đánh giá tác động biến đổi cơ cấu tuổi dân số theo giới và theo khu vực thành thị và nông thôn; và (3) Đề xuất những chính sách nhằm tận dụng, khai thác những cơ hội "vàng" từ quá trình biến đổi cơ cấu tuổi dân số cho tăng trưởng kinh tế cũng như thu hẹp chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa nam và nữ và giữa khu vực nông thôn và thành thị.

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHÍNH

Thứ nhất, thời kỳ dư lợi dân số của cả nước có thể kết thúc khá sớm.

Kết quả ước lượng từ phương pháp NTA với các dữ liệu trên cho thấy tính theo vòng đời, một người Việt Nam điển hình bắt đầu có thu nhập từ năm 14 tuổi, sau đó thu nhập bắt đầu tăng nhanh trong độ tuổi từ 15 đến 63 và giảm nhanh vào độ tuổi 64 và bằng 0 vào độ tuổi 90. Đồng thời, chi tiêu của một người Việt Nam điển hình tăng nhanh từ 0 đến 20 tuổi và bắt đầu có xu hướng tăng chậm lại, ổn định trong độ tuổi từ 21-45 và giảm dần trong độ tuổi 46-90 (Hình 1).

Kết quả tính toán từ phương pháp NTA cho thấy độ tuổi tạo ra thặng dư vòng đời[5] là từ 22 đến 54 tuổi, trong khi độ tuổi tạo ra thâm hụt[6] là từ 0 đến 21 tuổi và từ 55 đến 90 tuổi. Với cơ cấu tuổi dân số của Việt Nam vào năm 2014 thì dân số trong độ tuổi từ 22 đến 54 tạo ra thặng dư khoảng 862,9 nghìn tỷ đồng, trong khi dân số từ 0 đến 21 tuổi và từ 55 đến 90 tuổi tạo ra thâm hụt tương ứng khoảng 649,8 nghìn tỷ đồng và 243,7 nghìn tỷ đồng. Tính chung cho cả nền kinh tế, thâm hụt vòng đời vào khoảng 30,6 nghìn tỷ đồng năm 2014.

[5] Khi thu nhập lớn hơn chi tiêu.

[6] Khi thu nhập nhỏ hơn chi tiêu.

Hình 1: Thu nhập từ lao động và chi tiêu bình quân đầu người theo tuổi năm 2014

Đơn vị: Triệu đồng

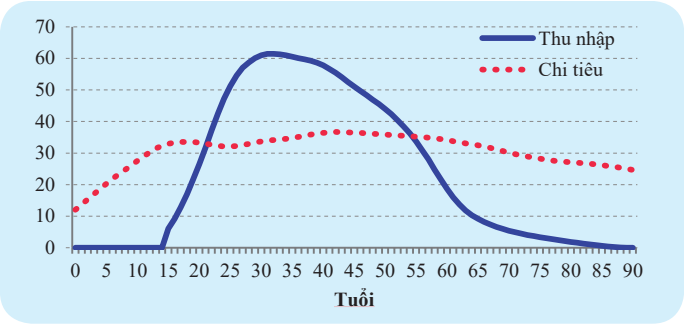

Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu của Viện CLPT theo số liệu Điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) năm 2014.

Nếu giả định rằng cơ cấu thu nhập và chi tiêu bình quân theo tuổi được giữ nguyên như năm 2014 và cơ cấu tuổi dân số sẽ diễn ra đúng như dự báo mới nhất của Tổng cục Thống kê (2016) thì dư lợi dân số của toàn nền kinh tế sẽ kết thúc vào năm 2017 (Hình 2).

Hình 2: Dự báo tốc độ tăng tỷ số hỗ trợ đến năm 2049

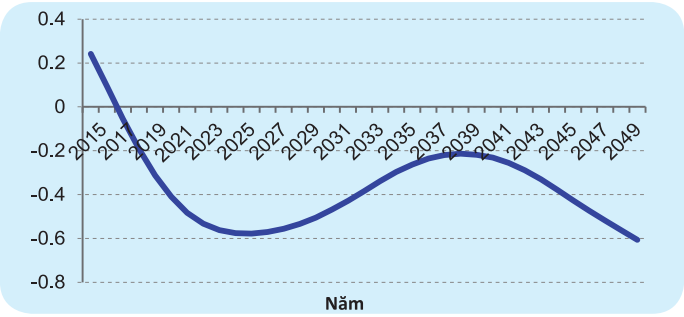

Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu của Viện CLPT theo số liệu VHLSS năm 2014.

Thứ hai, có sự chênh lệch lớn về thu nhập từ lao động giữa nam và nữ, giữa dân cư thành thị và nông thôn.

Tính toán từ dữ liệu năm 2014 cho thấy thu nhập trung bình từ lao động của nữ khoảng 24,9 triệu đồng (bằng 66,8% của nam); thu nhập trung bình từ lao động của dân cư nông thôn khoảng 21,2 triệu đồng (bằng 42% của khu vực thành thị) (Hình 3).

Hình 3: Thu nhập từ lao động phân theo giới và khu vực năm 2014

Đơn vị: Triệu đồng

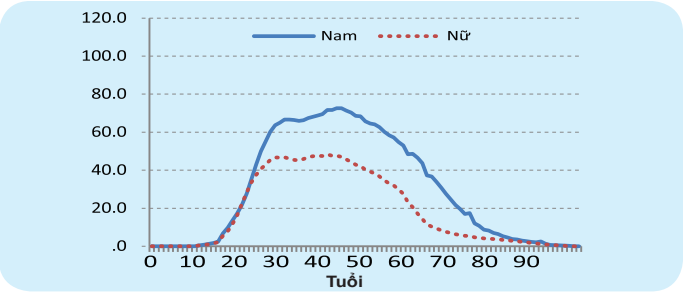

Hình 3a: Theo giới

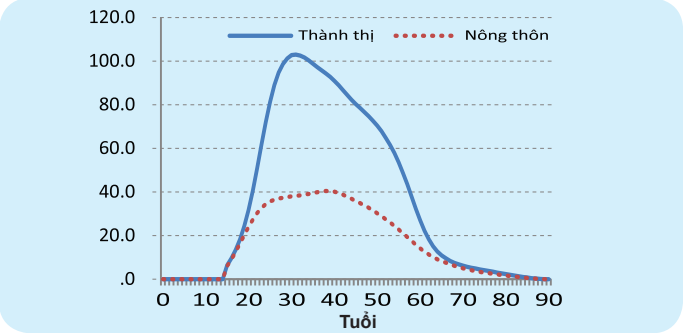

Hình 3b: Theo thành thị - nông thôn

Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu của Viện CLPT theo số liệu VHLSS năm 2014.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch thu nhập như vậy có thể là do lao động nữ và lao động nông thôn có trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật, tay nghề thấp hơn lao động nam và lao động thành thị. Theo số liệu VHLSS năm 2014, trong tổng số người có trình độ tiến sĩ, nữ giới chỉ chiếm 25% (nam giới chiếm 75% còn lại). Tương tự, trong tổng số người tốt nghiệp đại học, khoảng 60% là nam giới trong khi nữ giới chỉ chiếm 40%. Tỷ lệ dân số có trình độ cao đẳng trở lên ở nông thôn chỉ đạt 3,4%, trong khi ở thành thị là 15,3%. Tương tự, tỷ lệ dân số có bằng sơ cấp nghề trở lên ở nông thôn là 5,4%, trong khi ở thành thị là 10,0%. Tình trạng việc làm ở khu vực nông thôn cũng thiếu bền vững hơn so với khu vực thành thị, tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội và tỷ lệ lao động có hợp đồng lao động ở nông thôn là 11,1% và 14,0% trong khi ở thành thị tương ứng là 34,0% và 38,4%.

Thứ ba, có sự chênh lệch lớn về chi tiêu giữa khu vực thành thị và nông thôn, đặc biệt là chi tiêu cho giáo dục của trẻ em. Tuy nhiên, chi tiêu giữa nam và nữ không có nhiều khác biệt.

Mức chi tiêu trung bình năm vào năm 2014 của một người dân nông thôn là 24,6 triệu đồng - chỉ bằng 55,1% mức chi tiêu bình quân của một người dân ở khu vực thành thị (Hình 4). Có sự chênh lệch rất lớn về chi tiêu cho giáo dục của trẻ em (từ 0-16 tuổi): mức chi trung bình cho giáo dục của trẻ em ở khu vực thành thị cao gấp 3,1 lần mức chi tương ứng ở khu vực nông thôn (Hình 5).

Hình 4: Mức chi tiêu bình quân đầu người theo độ tuổi và khu vực thành thị và nông thôn

Đơn vị: Triệu đồng

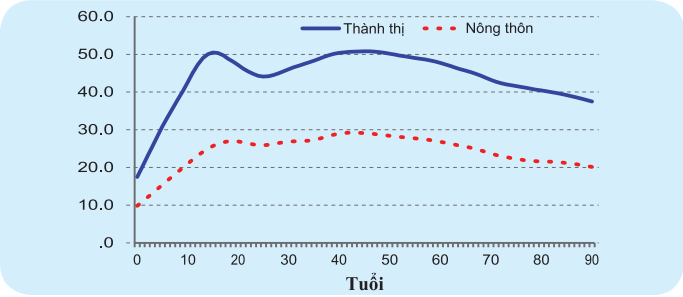

Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu của Viện CLPT theo số liệu VHLSS năm 2014.

Hình 5: Các cấu phần chi tiêu theo khu vực thành thị và nông thôn

Đơn vị: Triệu đồng

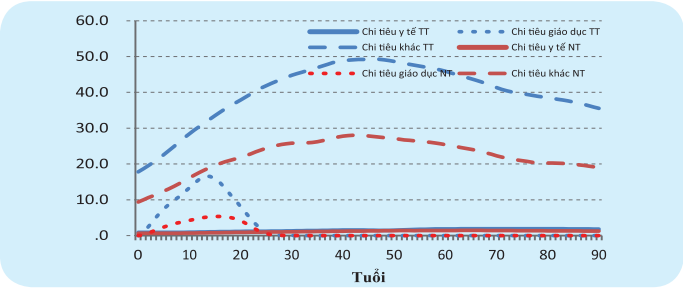

Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu của Viện CLPT theo số liệu VHLSS năm 2014.

Những khác biệt về cơ cấu chi tiêu này chứng tỏ vẫn còn sự chênh lệch về mức sống giữa hai khu vực thành thị và nông thôn. Đặc biệt, việc chi tiêu cho giáo dục của trẻ em nông thôn thấp hơn nhiều so với trẻ em thành thị có thể ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng giáo dục của dân cư nông thôn và năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực ở khu vực nông thôn trong tương lai.

Xét theo giới, chi tiêu của nam và nữ theo độ tuổi không có nhiều khác biệt với mức chi trung bình khoảng hơn 30 triệu đồng/năm đối với cả hai nhóm (Hình 6).

Hình 6: Chi tiêu theo độ tuổi của nam và nữ (2014)

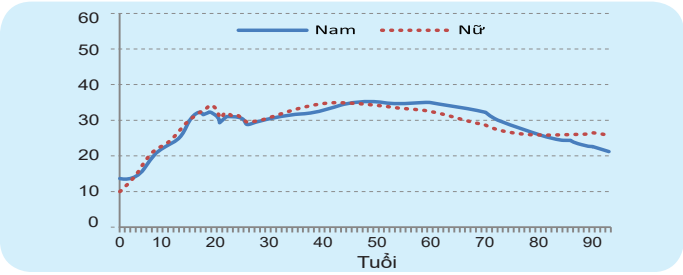

Nguồn: Tính toán của Nhóm nghiên cứu của Viện CLPT theo số liệu VHLSS năm 2014.

Thứ tư, thời kỳ có dư lợi dân số của nam dự kiến dài hơn của nữ, trong khi kỳ này của dân cư nông thôn và thành thị dự kiến lại kết thúc cùng thời điểm.

Giả định cơ cấu thu nhập và chi tiêu bình quân theo tuổi, giới và khu vực của năm 2014 được giữ nguyên đến năm 2049 và cơ cấu tuổi dân số thay đổi như dự báo của Tổng cục Thống kê (2016) thì thời kỳ có dư lợi dân số của nam giới sẽ kéo dài hơn nữ giới

(kết thúc tương ứng vào năm 2019 và năm 2016). Nguyên nhân chính là do có sự chênh lệch về thu nhập từ lao động và chi tiêu giữa hai nhóm dân số này. Mặt khác, dự kiến thời kỳ có dư lợi dân số của khu vực thành thị và nông thôn lại kết thúc vào cùng một thời điểm (năm 2016). Lý do là mức thu nhập trung bình từ lao động của dân cư thành thị lớn hơn của dân cư nông thôn nhưng mức chi tiêu ở khu vực thành thị cũng cao hơn nhiều so với khu vực nông thôn nên thời kỳ có dư lợi dân số của hai khu vực giống nhau (dự kiến cùng kết thúc vào năm 2016).

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

(1) Chính phủ cần sửa đổi, bổ sung và tiếp tục chỉ đạo thực thi hiệu quả một số cơ chế, chính sách nhằm kéo dài thời kỳ có dư lợi dân số hơn so với hiện nay thông qua một số giải pháp sau:

- Nâng cao năng suất lao động xã hội thông qua tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo chuẩn quốc tế; tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ người dân chủ động tham gia vào quá trình đào tạo, nhất là trong những ngành nghề, lĩnh vực mà doanh nghiệp và người sử dụng lao động có nhu cầu;
- Khuyến khích, hỗ trợ người dân (nhất là đối tượng thanh niên và sinh viên) khởi nghiệp (tạo việc làm và tăng việc làm); và
- Ban hành các chính sách bảo hiểm, bảo hộ ý tưởng sản xuất và kinh doanh, khuyến khích tinh thần chủ doanh nghiệp trong thanh niên và các chủ doanh nghiệp mới; và khuyến khích, tuyên truyền nhằm thu hút lao động trẻ và lao động ngoài độ tuổi (có nhu cầu) tham gia tích cực hơn vào thị trường lao động.

(2) Chính phủ cần thu hẹp chênh lệch, bất bình đẳng giữa dân số nam và dân số nữ cũng như giữa dân cư ở khu vực thành thị và khu vực nông thôn trong tiếp cận các cơ hội giáo dục - đào tạo, việc làm, tạo thu nhập và nâng cao mức sống bằng cách:

- Đẩy mạnh triển khai các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ nữ giới tiếp cận nhiều hơn, đa dạng hơn các cơ hội, loại hình giáo dục - đào tạo (từ trình độ sơ cấp đến trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học);
- Khuyến khích doanh nghiệp và người sử dụng lao động ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nữ tiếp cận các công việc phù hợp, có thu nhập thỏa đáng, bằng với thu nhập của nam giới đối với cùng một công việc và giảm thời gian làm việc nhà (công việc không được trả lương); và
- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế nhằm tăng tỷ trọng của những ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và tiếp tục tái cơ cấu lao động nhằm dịch chuyển lao động từ khu vực nông - lâm - ngư nghiệp (khu vực có giá trị gia tăng và năng suất tương đối thấp) sang khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ (khu vực có giá trị gia tăng và năng suất cao).

(3) Chính phủ cần tạo thêm nhiều việc làm mới và khuyến khích, huy động nhiều hơn sự tham gia của người lao động, nhất là lao động nữ và lao động trẻ, vào thị trường lao động ở khu vực nông thôn nhằm góp phần gia tăng thu nhập, giảm bớt tình trạng bất bình đẳng và kéo dài thời kỳ có dư lợi dân số. Đặc biệt, Chính phủ cần:

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt chính sách "tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn";
- Nâng cao hiệu quả của các chương trình tạo việc làm và dạy nghề đối với lao động ở khu vực nông thôn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp về trình độ, loại hình, ngành nghề lao động góp phần toàn dụng lao động nông nghiệp, nông thôn và đồng thời gia tăng thu nhập cho người dân; và
- Thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò của giáo dục - đào tạo trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cơ hội việc làm, thu nhập…; tạo điều kiện để trẻ em nông thôn có nhiều cơ hội tiếp cận với các phương thức học tập hiện đại và thu nhận tri thức và kỹ năng mới để có thể đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nhà xuất bản Thống kê. 2016. *Khảo sát mức sống dân cư 2014 (song ngữ Việt - Anh)*. Hà Nội, Việt Nam, 960 trang.
2. Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Viện Chiến lược phát triển. Tháng 6 năm 2015. *Sổ tay hướng dẫn sử dụng phương pháp "Tài khoản chuyển nhượng quốc gia"(NTA).* Hà Nội, Việt Nam, 100 trang.
3. Số liệu thống kê về dân số của Tổng cục Thống kê Việt Nam.
4. Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc. 2016. *Dự báo dân số Việt Nam 2014-2049*. Hà Nội, Việt Nam, 247 trang.

Tiếng Anh

1. General Statistics Office and United Nations Population Fund. 2016. *Viet Nam Population Projections 2014-2049*. Ha Noi, Viet Nam, 247 pages.
2. Statistical Publishing House. 2016. *Results of the Viet Nam Household Living Standards Survey 2014 (Vietnamese and English bilingual).* Ha Noi, Viet Nam, 960 pages.
3. United Nations. 2013. *National Transfer Accounts Manual: Measuring and Analysing the Generational Economy.* New York, USA, 226 pages (http://www.ntaccounts.org/doc/repository/NTA manual 2013.pdf).
4. UNFPA. *Demographic Dividend* (http://www.unfpa.org/demographic-dividend#sthash.JdF7iIQ9.dpuf).

Quỹ Dân số Liên hợp quốc
304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
ĐT: 84-4-3850 0100
Fax: 84-4-3726 5520
Website: http://vietnam.unfpa.org/public
Facebook: https://www.facebook.com/unfpa.vietnam

Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
65 Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: 84-4-3843 1848/ 84-43846 4956
Fax: 84-4-3845 2209
Email: clpt@mpi.gov.vn